

Bản án số: **51/2019/DS-ST**  
Ngày 23 tháng 9 năm 2019  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU – TP. ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Minh Thông

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Tiến
2. Ông Lê Truyền Bình

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoàng Hiếu

Ngày 23 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Xuân T.** Sinh năm: 1969. Địa chỉ: Số 196/16 đường Nguyễn Phước Nguyên, phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Bích L** - Sinh năm 1966 - Địa chỉ: H10/02/14A đường Triệu Nữ Vương, phường Hải Châu II, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

*(Các đương sự đều có mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 6 năm 2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Xuân T trình bày: Bà L có vay của bà tổng số tiền là 58.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 22.7.2017 bà L vay số tiền: 30.000.000 đồng; Ngày 11.02.2018 bà L vay số tiền 18.000.000 đồng; Ngày 24.5.2018 bà L vay số tiền: 10.000.000 đồng. Số tiền này bà L đều cam kết sẽ trả cho bà trong thời hạn 10 ngày đến 20 ngày cho mỗi giấy mượn tiền. Tuy nhiên, sau đó bà L không trả số nợ trên cho bà. Thời gian từ ngày 25.02.2019 đến nay, bà L mới trả cho bà được 04 lần với tổng số tiền là 7.500.000 đồng, đây là số tiền lời để bà trả cho Ngân hàng và người khác vì bản thân bà cũng đi vay mượn giùm cho bà L trong lúc bà L gặp khó khăn.

Nay vì bà L đã thất hứa quá nhiều lần nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà L phải trả cho bà dứt điểm một lần số tiền gốc là 58.000.000 đồng. Bà không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị Xuân T xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Bà xác nhận số tiền 7.500.000 đồng bà L đã trả cho bà trước đó được trừ vào số tiền nợ gốc. Do vậy, bà yêu cầu Tòa án buộc bà L phải trả dứt điểm một lần số nợ gốc còn lại là 50.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn – Bà Nguyễn Thị Bích L trình bày:

Bà thừa nhận có vay của bà Trần Thị Xuân T số tiền 58.000.000 đồng đúng thời gian theo các giấy mượn tiền bà T đã cung cấp cho Tòa án. Cụ thể, ngày 22.7.2017 bà vay của bà T lúc đầu là 30.000.000 đồng, 18 tháng sau gần đến Tết thì bà có mượn thêm 02 lần vào các ngày 11.02.2018 và 24.5.2018 với số tiền là 25.000.000 đồng (Tổng số tiền thực tế là 55.000.000 đồng). Bà T có nói với bà tiền đó gần Tết nên cho mượn tiền nóng – 10 ngày tiền 30, vay 10 ngày bà phải trả tiền lãi là 750.000 đồng, số tiền lãi này bà T lấy trước nên trong giấy nợ bà có cọc trước 3.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền nợ là 58.000.000 đồng.

Tuy nhiên, do buôn bán thua lỗ nên bà có thỏa thuận với bà T sẽ trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả dứt điểm số nợ. Thực hiện thỏa thuận, từ ngày 25.02.2019 đến ngày 15.5.2019 bà đã trả cho bà T được tổng số tiền là 7.500.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bà còn nợ của bà T là 50.500.000 đồng.

Nay vì hoàn cảnh khó khăn, bản thân đau ốm, không có việc làm phải sống dựa vào các con nếu bà T yêu cầu bà trả một lần dứt điểm số nợ trên thì bà không có khả năng. Bà đề nghị bà T cho bà được trả dần số tiền trên mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi bà trả hết nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe các đương sự trình bày và tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Trần Thị Xuân T và bị đơn là bà Nguyễn Thị Bích L là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

[2] Về tố tụng: Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Xuân T yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L phải trả số tiền 58.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể là yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền 50.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định tại điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Bà Trần Thị Xuân T yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích L phải trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật đối với số tiền bà L nợ của bà T là 50.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ vào các Giấy mượn tiền đã ký vào các ngày 22.7.2017, ngày 11.02.2018, ngày 24.5.2018 xác định giữa các bên đã ký kết hợp đồng dân sự về việc vay tài sản với tổng số tiền là 58.000.000 đồng. Trong các giấy mượn tiền ngày 11.02.2018 và ngày 24.5.2018 các bên có thỏa thuận thời hạn trả tiền và không thỏa thuận về lãi suất, giấy mượn tiền ngày 22.7.2017 các bên không thỏa thuận thời hạn trả và không thỏa thuận về lãi suất. Đây là các hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, không có lãi suất và không kỳ hạn, không có lãi suất do các bên tự nguyện giao kết, không vi phạm các quy định của pháp luật nên được bảo vệ và đảm bảo thực hiện. Các bên đã ký giấy vay nợ thì phải có nghĩa vụ trả nợ, đó là nguyên tắc tự thỏa thuận trong giao dịch dân sự được quy định trong Bộ luật dân sự. Sau khi ký Giấy mượn tiền, tính đến ngày 15.5.2019 bà L chỉ trả cho bà T số tiền 7.500.000 đồng. Đến nay nợ đã quá hạn, mặc dù bà T đã thông báo và trực tiếp đến nhà bà L đòi nợ nhiều lần nhưng bà L vẫn chưa thực hiện việc trả số tiền còn lại là 50.500.000 đồng. Như vậy, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là người có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng vay tài sản nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Xuân T, buộc bà L có nghĩa vụ trả số tiền 50.500.000 đồng là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L đề nghị được trả dần số nợ trên cho bà T mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ 50.500.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, từ khi hai bên giao kết hợp đồng đến nay, bà L chỉ trả cho bà T số tiền 7.500.000 đồng. Sau đó, bà T có gặp trực tiếp đòi nhiều lần nhưng bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, cho thấy bà L là người vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận lúc ban đầu. Mặt khác, tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Xuân T không chấp nhận đề nghị được trả dần của bị đơn và yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị Bích L phải trả dứt điểm một lần số nợ trên khi bản án có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của bị đơn ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí: Vì chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 50.500.000 đồng x 5% = 2.525.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ:

- Điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" của bà Trần Thị Xuân T đối với bà Nguyễn Thị Bích L.

**Xử:**

- Buộc bà Nguyễn Thị Bích L phải trả cho bà Trần Thị Xuân T số tiền 50.500.000 đồng (Năm mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2019/QĐ-BPKCTT ngày 31.7.2019 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đối với bà Nguyễn Thị Bích L. Quyết định này sẽ được hủy bỏ khi có căn cứ quy định tại Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu 2.525.000 đồng.

Bà Trần Thị Xuân T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.450.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 7262 ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Hải Châu;
- Chi cục THADS Q. Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Minh Thông**